| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2019.
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc.
2. Ông Nguyễn Huy Khoa.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Anh Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2017/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Q định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST – HNGĐ ngày 02 ngày 7 tháng 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ cư trú: số 75/5, đường Phan Chu T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: số 35, đường Tô Hiến Thành, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*2. Bị đơn*: Ông Thái Bá Q, sinh năm: 1968.

Địa chỉ cư trú: số 75/5, đường Phan Chu T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Thái Lâm Phương L, sinh năm: 1966.

Địa chỉ cư trú: số 75/5, đường Phan Chu T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Thái Lâm Mỹ P, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: số 109, đường Trịnh Đình T, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Tuyết có mặt, ông Q, chị Loan, chị Phương vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Thị T thì:

Bà và ông Q đăng ký kết hôn ngày 07/3/1990 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi tiến đến hôn nhân thời gian tìm hiểu 2

năm, đến năm 1990 tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian sống chung hạnh phúc thì ít, không hạnh phúc thì nhiều. Ông Q nhiều lần đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng không thể sống chung nên đến tháng 01/2016 bà không ở cùng ông Q cho đến nay. Nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể sống chung nên bà yêu cầu ly hôn ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Thái Lâm Mỹ P, sinh ngày 09/02/1991, Thái Lâm Phương L, sinh ngày 22/8/1996, Thái Lâm Đ, sinh ngày 22/02/2003, Thái Lâm T, sinh ngày 22/02/2003. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Thái Lâm Đ, Thái Lâm T. Ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về T sản chung: Vợ chồng có diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và diện tích 2.616m$^2$ đất (trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Khi ly hôn bà yêu cầu chia T sản theo quy định pháp luật, nguyện vọng bà lấy phần đất trồng cây hàng năm, con nhà đất đường Phan Chu T chia cho ông Q. Hoặc bà nhận 1.600m$^2$ đất thuộc 01 phần thửa 1530, còn lại giao cho ông Q 1.016m$^2$ đất và toàn bộ nhà, đất tại đường Phan Chu T, thị trấn L, huyện Đ. Các T sản gồm 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tivi, 01 tủ đứng, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 xe máy hiệu honđa ông Q đang quản lý sử dụng, bà không tranh chấp đồng ý giao cho ông Q, không yêu cầu Tòa án giải Q.

*Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Thái Bá Q nhưng ông Thái Bá Q không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Lâm Phương L, chị Thái Lâm Mỹ P trình bày: Việc ly hôn giữa ông Thái Bá Q và bà Lâm Thị T đề nghị Tòa án giải Q theo nguyện vọng của bà Lâm Thị T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành phiên họp và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lâm Thị T yêu cầu được ly hôn ông Thái Bá Q. Về con chung: Giao cho ông Thái Bá Q nuôi con chung tên Thái Lâm Đ, sinh ngày 22/02/2003 và Thái Lâm T, sinh ngày 22/02/2003 cho đến ngày con chung thành niên. Về cấp dưỡng: Bà Lâm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Thái Lâm Đ, cháu Thái Lâm T, với mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên. Về T sản chung: Bà yêu cầu chia phần nhiều T sản cho ông Q. Bà yêu cầu chia cho ông Thái Bá Q diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 1.116m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho bà Lâm Thị T diện tích

1.500m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải Q vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị căn cứ quy định tại các Điều 33, 34, 38, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 213 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 97 của Luật đất đai. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T được ly hôn ông Thái Bá Q. Về con chung: Giao cho ông Thái Bá Q nuôi con chung tên Thái Lâm Đ, sinh ngày 22/02/2003 và Thái Lâm T, sinh ngày 22/02/2003 cho đến ngày con chung thành niên. Về cấp dưỡng: Buộc bà Lâm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Thái Lâm Đ, cháu Thái Lâm T, với mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên.

Xác định toàn bộ tài sản gồm: Diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T. Diện tích 2.616m$^2$ đất (trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T.

Chia cụ thể như sau: Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 1.116m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho bà Lâm Thị T diện tích 1.500m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc các đượng sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Thái Bá Q, tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Thái Bá Q nhưng ông Thái Bá Q không có ý kiến gì.

Đây là vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lâm Thị T và bị đơn ông Thái Bá Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Lâm Phương L, chị Thái Lâm Mỹ P. Tại phiên tòa hôm nay, ông Q, bà Loan, bà Phương vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q, chị Loan, chị Phương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông Q và bà Tuyết là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/3/1990. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên cãi vã chửi bới nhau, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa ông Q và bà Tuyết tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết được ly hôn ông Q là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Thái Lâm Mỹ P, sinh ngày 09/02/1991, Thái Lâm Phương L, sinh ngày 22/8/1996, Thái Lâm Đ, sinh ngày 22/02/2003, Thái Lâm T, sinh ngày 22/02/2003. Trong thời gian ông Q và bà Tuyết không sống chung, cháu Thái Lâm Đ và cháu Thái Lâm T do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà Tuyết vẫn thường xuyên quan tâm, động viên con học hành. Bản thân bà Tuyết chưa có chổ ở ổn định và thu nhập không ổn định. Nguyện vọng của cháu Thái Lâm Đ và cháu Thái Lâm T ở với ông Q. Tại phiên tòa hôm nay, bà Tuyết đồng ý để ông Q nuôi hai cháu Thái Lâm Đ và cháu Thái Lâm T và bà Tuyết có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Thái Lâm Đ và cháu Thái Lâm T với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 7/2019 nên cần chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tài sản: Nguồn gốc diện tích 623m$^2$ đất, thuộc thửa 1026, tờ bản đồ số 09, thị trấn L, huyện Đ, có nguồn gốc của ông Thái Bá Bảy, bà Lê Thị Tái là cha mẹ ông Q cho vợ chồng ông Q, bà Tuyết ngày 06/12/2004. Đến ngày 22/4/2005 ông Q, bà Tuyết được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T. Quá trình sử dụng vợ chồng ông Q, bà Tuyết đã chuyển nhượng 01 phần diện tích đất này. Hiện vợ chồng ông Q, bà Tuyến còn lại diện tích 297m$^2$ đất, thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Q, bà Tuyết sử dụng và năm 2008 đã xây dựng căn nhà xây cấp 4 trên diện tích đất này để ở cho đến nay. Đây là T sản ông Q, bà Tuyết được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đây là T sản chung của ông Q, bà Tuyết. Theo biên bản định giá ngày 02/10/2018 thì giá trị diện tích 297m$^2$ đất là 2.475.000.000đồng và giá trị căn nhà trên đất là 130.000.000đồng.

Các T sản gồm 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tivi, 01 tủ đứng, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 xe máy hiệu honđa ông Q đang quản lý, sử dụng bà Tuyết đồng ý để ông Q tiếp tục quản lý, sử dụng bà Tuyết không tranh chấp không yêu cầu Tòa án xem xét giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với diện tích 2.616m$^2$ đất (trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có nguồn gốc vợ chồng ông Q, bà Tuyết nhận chuyển nhượng của ông Thái Văn Ngọc, bà Hoàng May Hải ngày 19/4/2006. Đến ngày 14/7/2006 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T. Đây là T sản ông Q, bà Tuyết tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đây là T sản chung của ông Q, bà Tuyết. Theo biên bản định giá ngày 02/10/2018 thì giá trị diện tích 2.616m$^2$ đất là 1.821.200.000đồng.

Bà Tuyết yêu cầu chia phần nhiều T sản cho ông Q. Bà yêu cầu chia cho ông Thái Bá Q diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 1.116m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia cho bà Lâm Thị T diện tích 1.500m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Tuyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá T sản là 1.800.000đồng, bà Tuyết đã nộp 1.800.000đồng. Bà Tuyết nhận chịu số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[6] Về án phí: Buộc bà Lâm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia: Giá trị tài sản bà Tuyết được chia 1.050.000.000đồng {(1.500m$^2$ đất x 1.831.200.000đồng/m$^2$)/2.616m$^2$}. Án phí là [36.000.000đồng + {(1.050.000.000đồng – 800.000.000đồng) x 3%}] = (36.000.000đồng + 7.500.000đồng) = 43.500.000đồng.

Buộc ông Thái Bá Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia: Giá trị tài sản ông Q được chia 3.368.200.000đồng {(2.475.000.000đồng + 130.000.000đồng) + (1.831.200.000đồng - 1.050.000.000đồng)}. Án phí là [72.000.000đồng + {(3.368.200.000đồng – 2.000.000.000đồng) x 2%}] = (72.000.000đồng + 27.724.000đồng) = 99.724.000đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 34, 38, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 97 của Luật đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T được ly hôn ông Thái Bá Q.

Về con chung: Giao ông Thái Bá Q nuôi con chung tên Thái Lâm Đ, sinh ngày 22/02/2003 và Thái Lâm T, sinh ngày 22/02/2003 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Buộc bà Lâm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Thái Lâm Đ, cháu Thái Lâm T, với mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền đi lại thăm nom con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xác định toàn bộ tài sản gồm:

- Diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T.

- Diện tích 2.616m$^2$ đất (trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T.

*Chia cụ thể như sau:

Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 297m$^2$ đất (trên đất có nhà xây cấp 4), thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 59 (2007), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chia cho ông Thái Bá Q diện tích 1.116m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chia cho bà Lâm Thị T diện tích 1.500m$^2$ đất, thuộc 01 phần thửa 1530, tờ bản đồ số 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Thái Bá Q, bà Lâm Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Buộc bà Lâm Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà Lâm Thị T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2015/0006588 ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Lâm Thị T còn phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Buộc bà Lâm Thị T phải nộp 43.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 500.000đồng đã nộp tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0007301 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Lâm Thị T còn phải nộp 43.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Thái Bá Q phải nộp 99.724.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Lâm Thị T có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Thái Bà Q, chị Thái Lâm Phương L, chị Thái Lâm Mỹ P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự.
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Ủy ban nhân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Vũ**